

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
( đã được kiểm toán)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM**

A6-BT5, KĐT Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cảnh, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 – 4
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	5 – 6
<b>Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần CNC Capital được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101971512 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2009, thay đổi lần thứ 09 vào ngày 03 tháng 06 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: A6-BT5, khu đô thị Mỹ Đình 2, đường Trần Văn Cần, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN**

Theo nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 0501A/2023/NQ-HĐQT-CNC ngày 05 tháng 01 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với Ông Bùi Thúc Dục, đồng thời bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Lợi giữ chức vụ Tổng Giám đốc.

Ngoài các vấn đề nêu trên, Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Trần Việt Hùng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 13/05/2022)
Ông Hoàng Quốc Anh	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 13/05/2022)
Ông Bùi Thúc Dục	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 13/05/2022)
Ông Trần Trọng Tính	Thành viên HĐQT
Ông Triệu Văn Hối	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 13/05/2022)

**Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Nguyễn Hữu Lợi	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/01/2023)
Ông Bùi Thúc Dục	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 17/06/2022 và miễn nhiệm ngày 05/01/2023)
Ông Triệu Văn Hối	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 17/06/2022)

## CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

A6-BT5, KĐT Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cân, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

---

**Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Bà Lê Thị Hòe	Trưởng BKS
Bà Lê Hồng Ngọc	Thành viên BKS
Bà Đặng Thị Tâm	Thành viên BKS

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển

## CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

A6-BT5, KĐT Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cần, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

---

tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2023



Trần Việt Hùng



Số 333/BCKT/TC

# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam

**Kính gửi:**

**Quý cổ đông**

**Hội đồng Quản trị**

**Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán báo cáo tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam được lập ngày 26 tháng 04 năm 2023 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại thời điểm 31/12/2022 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng các bằng chứng kiểm toán thu thập được không đủ cơ sở để chúng tôi đánh giá về tính đúng đắn và tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

Ngày 09/09/2022, Chi cục thuế Quận Nam Từ Liêm ra thông báo số 23002/TB-CCT-Ktr2 về việc Công ty cổ phần CNC Capital Việt Nam không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trên trang điện tử của Tổng Cục Thuế Việt Nam, cũng theo thông báo này Công ty bị ngừng sử dụng hóa đơn và mã số thuế trong các giao dịch kinh tế. Theo công văn số 12843/TB-CCT-KTNDP ngày 30/03/2023 của Chi cục thuế Nam Từ Liêm, Công ty đã được Chi cục thuế Quận Nam Từ Liêm khôi phục mã số thuế và đã tiếp tục được sử dụng hóa đơn. Các nghiệp vụ bán hàng theo hình thức bán lẻ cho cá nhân và thu tiền mặt trong quý 4 năm 2022 với tổng số tiền 34.941.974.799 đồng được công ty phát hành hóa đơn vào ngày 30/03/2023 và ghi nhận khoản doanh thu này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Chúng tôi không thể xác định được tính có thực, đầy đủ của các nghiệp vụ này cũng như các khoản doanh thu, giá vốn chưa được ghi nhận (nếu có) và các số liệu được trình bày trên chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán trên Báo cáo tài chính của Công ty

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “*Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam đã được kiểm toán bởi chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2023*

**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Lê Phương Anh**

**Nguyễn Hà Phương**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
Số: 0739-2023-133-1*

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
số 4033-2023-133-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>323.629.051.602</b>	<b>363.345.089.525</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>296.086.826</b>	<b>712.054.256</b>
111	1. Tiền		296.086.826	712.054.256
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>2.000.000</b>	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>323.226.390.396</b>	<b>362.504.261.477</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	-	270.460.801
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	60.000.000	339.203.554.101
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	323.166.390.396	23.030.246.575
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		-	-
141	1. Hàng tồn kho		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>104.574.380</b>	<b>128.773.792</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		104.574.380	128.773.792
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		-	-
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình		-	-
222	- Nguyên giá		-	-
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>323.629.051.602</b>	<b>363.345.089.525</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>62.331.074.785</b>	<b>41.121.696.148</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>62.331.074.785</b>	<b>41.121.696.148</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	8	2.753.372.894	-
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9	20.236.010.000	4.581.303
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	2.090.605.863	1.914.747.829
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	331.175.342	118.181.818
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	203.635.637	167.910.149
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	36.300.000.000	38.500.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		416.275.049	416.275.049
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
400	<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>261.297.976.817</b>	<b>322.223.393.377</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	14	<b>261.297.976.817</b>	<b>322.223.393.377</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(148.500.000)	(148.500.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		1.248.825.147	1.248.825.147
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(39.802.348.330)	21.123.068.230
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		21.123.068.230	17.369.341.360
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(60.925.416.560)	3.753.726.870
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>323.629.051.602</b>	<b>363.345.089.525</b>

Người lập biểu



Đỗ Phương Dung

Kế toán trưởng



Đỗ Phương Dung

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2023



Chủ tịch HĐQT

Trần Việt Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	56.805.702.015	34.791.328.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		56.805.702.015	34.791.328.000
11	4. Giá vốn hàng bán	16	56.399.695.142	34.351.451.501
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		406.006.873	439.876.499
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	138.318	4.629.643.069
22	7. Chi phí tài chính	18	3.568.391.359	1.272.569.275
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.568.391.359	1.152.450.175
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	757.349.971	1.723.275.166
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		(3.919.596.139)	2.073.675.127
31	11. Thu nhập khác	20	-	2.722.838.610
32	12. Chi phí khác	21	57.005.820.421	85.677.147
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(57.005.820.421)	2.637.161.463
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		(60.925.416.560)	4.710.836.590
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	957.109.720
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		(60.925.416.560)	3.753.726.870
	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	(2.031)	125

Người lập biểu

Đỗ Phương Dung

Kế toán trưởng

Đỗ Phương Dung

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2023

Chủ tịch HĐQT



Trần Việt Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Phương pháp gián tiếp  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	(60.925.416.560)	4.710.836.590
	2. Điều chỉnh cho các khoản	3.568.253.041	(3.477.192.894)
02	- Khấu hao tài sản cố định		
03	- Các khoản dự phòng	-	
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(138.318)	(4.629.643.069)
06	- Chi phí lãi vay	3.568.391.359	1.152.450.175
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(57.357.163.519)	1.233.643.696
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	39.302.070.493	(248.452.848.423)
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	-	
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	23.078.203.295	(2.567.114.546)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	-	
14	- Tiền lãi vay đã trả	(3.237.216.017)	(1.152.450.175)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.785.894.252	(250.938.769.448)
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.000.000)	(100.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		226.000.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		80.079.400.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	138.318	6.076.597.189
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.861.682)	212.155.997.189
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	74.800.000.000	38.500.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(77.000.000.000)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(2.200.000.000)	38.500.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(415.967.430)	(282.772.259)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	712.054.256	994.826.515
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	296.086.826	712.054.256

Người lập biểu

Đỗ Phương Dung

Kế toán trưởng

Đỗ Phương Dung

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2023



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022*

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNC Capital được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101971512 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2009, thay đổi lần thứ 09 vào ngày 03 tháng 06 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: A6-BT5, khu đô thị Mỹ Đình 2, đường Trần Văn Cảnh, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 30.000.000 cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên: 12 nhân viên

**Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là:

- Bán buôn vật liệu xây dựng

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

#### 2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các

bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.6.Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo: Chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.7.Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

## **2.8.Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## **2.9.Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

**2.10. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

**2.11. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.12. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.13. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.



**2.14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.15. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**2.17. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**2.18. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Tiền mặt tại quỹ	279.090.087		701.260.262	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.996.739		10.793.994	
Các khoản tương đương tiền	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>296.086.826</b>		<b>712.054.256</b>	

## 4. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.000.000	-	-	-
- Kỳ hạn 12 tháng	2.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## 5. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty CP kinh doanh Bình An Đạt	-		270.460.801	
Các đối tượng khác	-		-	
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>270.460.801</b>	<b>-</b>

## 6. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam - CN Hà Thành	60.000.000		339.203.554.101	
Công ty TNHH Tiến Đại Phát	60.000.000		339.138.554.101	
Các đối tượng khác	-		65.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000</b>	<b>-</b>	<b>339.203.554.101</b>	<b>-</b>

## 7. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
	<b>Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	323.166.390.396	-	23.030.246.575	-	
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	854.000.000	-	-	-	
Phải thu khác (*)	-	-	23.000.000.000	-	
Phải thu khác (*)	322.312.390.396	-	30.246.575	-	
<b>Cộng</b>	<b>323.166.390.396</b>	<b>-</b>	<b>23.030.246.575</b>	<b>-</b>	

(*) Chi tiết khoản phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tiến Đại Phát (ii)	322.312.390.396	-
Các đối tượng khác	-	30.246.575
<b>Cộng</b>	<b>322.312.390.396</b>	<b>30.246.575</b>

(ii) Đây là khoản tiền Công ty đã ứng trước tiền cho Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo hợp đồng số 2509/2021/HĐMBT/TĐP-CNC ngày 25 tháng 09 năm 2021 để mua tàu hút bùn Tiến Đại Phát 668 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Tiến Đại Phát. Tuy nhiên, Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 29.09/2022/BB-HĐQT-CNC ngày 29 tháng 09 năm 2022 và theo biên bản làm việc giữa 2 bên ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc chấm dứt hợp đồng mua bán tàu TĐP 668 thì 2 bên đã thống nhất chấm dứt hợp đồng mua bán, theo đó, Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam sẽ bồi thường cho Công ty TNHH Tiến Đại Phát số tiền 16.826.163.705 đồng tương ứng với 5% số tiền đặt cọc và Công ty TNHH Tiến Đại Phát có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đặt cọc sau khi đã trừ đi khoản bồi thường trước ngày 30/06/2023. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam đã thu được 170.000.000.000 đồng

8. Phải trả người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.753.372.894</b>	<b>2.753.372.894</b>	-	-
Công ty CP phát triển CN Vạn Phúc	1.461.898.597	1.461.898.597	-	-
Công ty TNHH xúc tiến TM Hương Linh	1.022.618.779	1.022.618.779	-	-
Các đối tượng khác	268.855.518	268.855.518	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.753.372.894</b>	<b>2.753.372.894</b>	-	-

9. Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.236.010.000</b>	<b>4.581.303</b>
Công ty Cổ phần STEVIA TDP Việt Nam	11.393.119.457	-
Công ty TNHH dịch vụ và tiếp vận THT	8.842.890.543	-
Các đối tượng khác	-	4.581.303
<b>Cộng</b>	<b>20.236.010.000</b>	<b>4.581.303</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
<b>Phải nộp</b>						
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.842.009.100	-	-	-	1.842.009.100
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	72.738.729	179.858.034	4.000.000	-	248.596.763
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.914.747.829</b>	<b>179.858.034</b>	<b>4.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.090.605.863</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**11. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>331.175.342</b>	<b>118.181.818</b>
- Chi phí lãi vay	331.175.342	
- Khác		118.181.818
<b>Cộng</b>	<b>331.175.342</b>	<b>118.181.818</b>

**12. Phải trả khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>203.635.637</b>	<b>167.910.149</b>
Bảo hiểm xã hội	161.804.589	132.715.107
Bảo hiểm y tế	29.866.790	24.683.276
Bảo hiểm thất nghiệp	11.964.258	10.511.766
<b>Cộng</b>	<b>203.635.637</b>	<b>167.910.149</b>

**13. Vay và nợ thuê tài chính**

(Chi tiết tại phụ lục số 01)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM**

**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

A6-BT5, KĐT Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

**14. Vốn chủ sở hữu**

<b>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</b>		Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147		17.369.341.360	318.469.666.507
- Tăng vốn trong năm trước						-
- Lãi trong năm trước					3.753.726.870	3.753.726.870
- Lỗ trong năm trước						-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>(148.500.000)</b>	<b>1.248.825.147</b>	<b>-</b>	<b>21.123.068.230</b>	<b>322.223.393.377</b>
- Tăng vốn trong năm nay						-
- Lãi trong năm nay					(60.925.416.560)	(60.925.416.560)
- Lỗ trong năm nay						-
<b>Số dư cuối cuối năm</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>(148.500.000)</b>	<b>1.248.825.147</b>	<b>-</b>	<b>(39.802.348.330)</b>	<b>261.297.976.817</b>

<b>b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Bà Nguyễn Thị Định	64.472.000.000	64.472.000.000
Bà Nguyễn Thị Chi Phương	35.302.000.000	35.302.000.000
Ông Ngô Tiến Quang Huy	25.000.000.000	25.000.000.000
Các đối tượng khác	175.226.000.000	175.226.000.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>

  

<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	300.000.000.000	300.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	300.000.000.000

  

<b>d. Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>30.000.000</i>	<i>30.000.000</i>

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

  

<b>f. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	1.248.825.147	1.248.825.147

  

<b>15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Doanh thu bán hàng	56.805.702.015	34.791.328.000
<b>Cộng</b>	<b>56.805.702.015</b>	<b>34.791.328.000</b>

  

<b>16. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Giá vốn bán hàng	56.399.695.142	34.351.451.501
<b>Cộng</b>	<b>56.399.695.142</b>	<b>34.351.451.501</b>

  

<b>17. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi tiền gửi, cho vay	138.318	4.119.949.517
Lãi chuyển nhượng cổ phần		509.693.552
Khác		
<b>Cộng</b>	<b>138.318</b>	<b>4.629.643.069</b>

18. Chi phí tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi vay	3.568.391.359	1.152.450.175
Khác		120.119.100
<b>Cộng</b>	<b>3.568.391.359</b>	<b>1.272.569.275</b>

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	723.378.106	461.560.554
Chi phí khấu hao		
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.071.865	673.091.646
Chi phí khác bằng tiền	900.000	588.622.966
<b>Cộng</b>	<b>757.349.971</b>	<b>1.723.275.166</b>

20. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		2.722.838.610
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.722.838.610</b>

21. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền phạt hành chính, chậm nộp thuế, BHXH	17.005.820.421	74.712.010
Chi phí khác (*)	40.000.000.000	10.965.137
<b>Cộng</b>	<b>57.005.820.421</b>	<b>85.677.147</b>

(\*) Theo hợp đồng 001/I/2021/Vietmindo - CNC ngày 26/01/2021 và các phụ lục đính kèm giữa Công ty PT. VIETMINDO ENERGITAMA (gọi tắt là Vietmindo) và Công ty CP CNC Capital (gọi tắt là CNC) về việc mua bán xít thải, cám xít, bùn tuyển và than lẫn tạp chất quy định: CNC phải đặt cọc cho Vietmindo 20 tỷ đồng cam kết thực hiện hợp đồng và tạm ứng trước tiền hàng là 20 tỷ đồng, thời hạn thực hiện hợp đồng không quá 6 tháng kể từ ngày 21/10/2021 nếu CNC thanh toán đủ tiền hàng và xin được giấy phép kinh doanh cho VIETMINDO; trong năm 2021, CNC đã thực hiện đặt cọc và tạm ứng cho VIETMINDO tổng số tiền 40 tỷ đồng, nhưng không thực hiện đầy đủ các điều khoản khác trong hợp đồng.

Theo thỏa thuận giữa 2 bên, khoản đặt cọc và khoản ứng trước tiền hàng sẽ không được hoàn lại trong bất kỳ trường hợp nào, kể cả trong trường hợp CNC không xin được giấy phép bán hàng và CNC không có quyền đòi lại trong mọi trường hợp. Tính tới thời điểm 31/12/2022, Hợp đồng 001/I/2021/Vietmindo - CNC đã quá hạn, CNC cũng không còn liên hệ được với bên VIETMINDO, vì vậy khoản 40 tỷ đồng CNC đã đặt cọc và ứng trước cho VIETMINDO được xác định không còn khả năng thu hồi.

22. Chi phí sản xuất theo yếu tố	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân công	723.378.106	461.560.554
- Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.071.865	673.091.646
- Chi phí khác bằng tiền	900.000	588.622.966
<b>Cộng</b>	<b>757.349.971</b>	<b>1.723.275.166</b>



23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(60.925.416.560)	4.710.836.590
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>57.005.820.421</b>	<b>74.712.010</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	57.005.820.421	74.712.010
- Chi phí không hợp lệ	57.005.820.421	74.712.010
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận chịu thuế	(3.919.596.139)	4.785.548.600
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	957.109.720
- Điều chỉnh thuế TNDN truy thu từ năm trước	-	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>957.109.720</b>

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(60.925.416.560)	3.753.726.870
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(60.925.416.560)	3.753.726.870
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.031)	125

## 25. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 0501A/2023/NQ-HĐQT-CNC ngày 05 tháng 01 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với Ông Bùi Thức Dục, đồng thời bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Lợi giữ chức vụ Tổng Giám đốc.

Ngoài các vấn đề nêu trên, Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

## 26. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Tiền và các khoản tương đương tiền	296.086.826	-	712.054.256	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	323.226.390.396	-	362.504.261.477	-
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>323.524.477.222</b>	<b>-</b>	<b>363.216.315.733</b>	<b>-</b>

Nợ phải trả tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	36.300.000.000	38.500.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	2.957.008.531	167.910.149
Chi phí phải trả	331.175.342	118.181.818
<b>Cộng</b>	<b>39.588.183.873</b>	<b>38.786.091.967</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM**

A6-BT5, KĐT Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cân, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	296.086.826			296.086.826
Phải thu khách hàng, phải thu khác	323.226.390.396	-		323.226.390.396
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000			2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>323.524.477.222</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>323.524.477.222</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	712.054.256			712.054.256
Phải thu khách hàng, phải thu khác	362.504.261.477	-		362.504.261.477
<b>Cộng</b>	<b>363.216.315.733</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>363.216.315.733</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	36.300.000.000	-		36.300.000.000
Phải trả người bán, phải	2.957.008.531	-		2.957.008.531
Chi phí phải trả	331.175.342	-		331.175.342
<b>Cộng</b>	<b>39.588.183.873</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>39.588.183.873</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	38.500.000.000	-		38.500.000.000
Phải trả người bán, phải	167.910.149	-		167.910.149
Chi phí phải trả	118.181.818	-		118.181.818
<b>Cộng</b>	<b>38.786.091.967</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>38.786.091.967</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**27. Báo cáo bộ phận****Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng	Đơn vị tính: VND	
		Tổng	
Doanh thu thuần ra bên ngoài	56.805.702.015	56.805.702.015	
Chi phí bộ phận	56.399.695.142	56.399.695.142	
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>406.006.873</b>	<b>406.006.873</b>	
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>	<b>757.349.971</b>	<b>757.349.971</b>	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(351.343.098)	(351.343.098)	
Doanh thu hoạt động tài chính	138.318	138.318	
Chi phí tài chính	3.568.391.359	3.568.391.359	
Thu nhập khác	-	-	
Chi phí khác	57.005.820.421	57.005.820.421	
Thuế TNDN hiện hành	-	-	
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(60.925.416.560)</b>	<b>(60.925.416.560)</b>	

**28. Nghiệp vụ và các số dư Bên liên quan****Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Năm nay
Ông Trần Việt Hùng	Chủ tịch HĐQT từ ngày 13/05/2022	5.400.000
Ông Triệu Văn Hợi	Thành viên HĐQT đến ngày 13/05/2022	53.264.500
Ông Bùi Thức Dục	Thành viên HĐQT từ ngày 13/05/2022	72.677.600
Bà Lê Thị Hòa	Trưởng Ban kiểm soát	123.286.937
Bà Đỗ Phương Dung	Kế toán trưởng từ ngày 05/11/2022	32.130.000
Bà Nguyễn Cẩm Tiên	Kế toán trưởng đến ngày 05/11/2022	122.412.800

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**29. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu



Đỗ Phương Dung

Kế toán trưởng



Đỗ Phương Dung

Chủ tịch HĐQT



Trần Việt Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM**

**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

A6-BT5, KĐT Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

**Phụ lục số 01:****13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>36.300.000.000</b>	<b>36.300.000.000</b>	<b>74.800.000.000</b>	<b>77.000.000.000</b>	<b>38.500.000.000</b>	<b>38.500.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam	36.300.000.000	36.300.000.000	74.800.000.000	77.000.000.000	38.500.000.000	38.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.300.000.000</b>	<b>36.300.000.000</b>	<b>74.800.000.000</b>	<b>77.000.000.000</b>	<b>38.500.000.000</b>	<b>38.500.000.000</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay:**

**Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT384-CNC ngày 16 tháng 03 năm 2022**

Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh

Thời hạn vay: Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng

Lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ

Đảm bảo khoản vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/HĐBĐ/NHCT384-TDP ngày 29/07/2021 và các văn bản bổ sung đi kèm.

Số dư tại 31/12/2022 là: 36.300.000.000 đồng